

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2010

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Kính thưa Quý vị đại biểu!

Thưa toàn thể cổ đông!

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội ( có hiệu lực từ ngày 01/7/2006 );
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định trong Bản Điều lệ Công ty Cổ phần dệt may - đầu tư – thương mại Thành Công;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát đã đồng thuận với Hội đồng Quản Trị Công ty;
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty;
- Căn cứ các Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2009 và nhiệm vụ giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2010 của Tổng giám đốc Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2009 do Công ty lập và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) thực hiện;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cổ phần dệt may - đầu tư - thương mại Thành Công cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2009 như sau:

### I. Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

- Các chỉ tiêu chủ yếu (Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25/4/2009 ):

Số TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2007	Năm 2009		Tỷ lệ so sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	KH	Năm trước
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	241.839	390.000	434.382	111,38	179,62
2	Doanh thu (HN)	Triệu đồng	1.023.284	1.200.000	1.126.093	93,84	110,05
3	Doanh thu (Tổng hợp)	Triệu đồng	960.317		1.062.615		110,65
4	Lợi nhuận sau thuế (HN)	Triệu đồng	5.036	60.000			
5	Lợi nhuận sau	Triệu	2.398	42.000	40.782	97,10	1.700,67

	<b>thuế (Tổng hợp)</b>	<b>đồng</b>					
<b>6</b>	<b>Cổ tức</b>	%	<b>cổ phiếu thường 12%</b>	<b>10% bằng tiền mặt</b>	<b>8% Tđó: 5%TM; 3% = CP thường</b>		

\* Nhận xét - phân tích tình hình thực hiện tại Công ty so với nghị quyết ĐHCĐ:

1. Huy động tăng vốn điều lệ:

- Ngày 4/5/2009 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã xác nhận khoản tiền của Công ty E-Land Asia Holdings chuyển để mua 10.364.942 cổ phiếu cho đợt phát hành riêng lẻ là 103.649.420.000 đồng đã vào tài khoản của Công ty.
- Tháng 8/2009 Công ty hoàn tất việc phát hành 2.889.381 cổ phiếu thường.
- Tháng 10/2009 Công ty E-Land Asia Holdings đã chuyển đủ tiền mua 6.000.000 cổ phiếu phát hành năm 2009.

**Kết luận:** Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được ĐHCĐ thông qua, vốn điều lệ có đến 31/12/2009 là 434.382.430.000 đồng.

2. Tình hình sản xuất - kinh doanh:

a. Sản lượng sản xuất:

Trong quý 1/2009 Công ty có quyết định tạm ngừng sản xuất kinh doanh tại Xưởng Sợi 3 do sản phẩm sản xuất ra không tiêu thụ được.

Số TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2008	Thực hiện năm 2009	(%) so sánh 09/08
1	SP chủ yếu				
	- Sợi toàn bộ	Tấn	7.619	10.963,5	143,9
	- Vải dệt thoi	1.000m	3.367	4.794,5	142,4
	- Vải dệt kim	Tấn	4.150	4.544,2	109,5
	- SP may	1.000SP	13.191	11.793	89,4
2	Doanh số	Tỷ đồng	967	1.055,52	109,15
	Trong đó: doanh số XK	1.000USD	29.691	38,27	0,13

b. Tình hình doanh thu - chi phí:

- Doanh thu hợp nhất đạt 1.126 tỷ đồng so Kế hoạch chỉ đạt 93,84%
- Doanh thu tại Công ty mẹ: so năm 2008 tăng 10,65% tuy nhiên so năm 2007 chỉ tăng 2,90%. Với TSCĐ được đầu tư xây dựng và mua mới trong năm 367 tỷ đồng kết quả sản xuất và hiệu quả thực hiện là chưa tương xứng.
- Chi phí: Phân tích theo quy định tại luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành riêng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 có chi phí cao hơn doanh thu ảnh hưởng lỗ 14 tỷ đồng. Lãi phát sinh chủ yếu từ chênh lệch tỷ giá là 66 tỷ đồng, do vậy sau khi bù trừ còn lãi Công ty đã không được tính hưởng ưu đãi giảm thuế 50%..
- **Tính trích khấu hao:** Công ty tiếp tục duy trì tính trích khấu hao trên mức tối thiểu. Tổng chi phí khấu hao cả năm đã trích là 51.121 triệu đồng, đảm bảo trả các khoản nợ vay dài hạn đến hạn đã trả trong năm là 45.170 triệu đồng
- **Chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá :** tổng vốn vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng so đầu năm tăng 250 tỷ đồng (Trong đó khoản vay bằng USD thời điểm 31/12/2008 là

15.069.744,22USD tương đương 256 tỷ; đồng thời điểm 31/12/2009 là 31.755.735,58USD tương đương 570 tỷ đồng).

- Do Công ty nhận vốn vay tăng bằng USD có lãi suất thấp hơn mức lãi suất vay bằng Việt Nam đồng nên riêng về chi phí lãi vay năm 2009 là 50 tỷ đồng, giảm 18 tỷ đồng so năm trước.
- Do tỷ giá ngoại tệ tăng trong năm đã phát sinh khoản chi phí chênh lệch tỷ giá lên đến 111 tỷ đồng tăng 80 tỷ đồng so năm trước.
- Trong năm công ty được hưởng hỗ trợ lãi suất là 4.871tr.đồng

**c. Tình hình lao động - thu nhập:**

Số TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2008	Thực hiện năm 2009	(%) so sánh 09/08
1	Lao động bình quân	người	4.518	4.020	88,98
2	Quỹ lương tính vào chi phí	triệu đồng	132.913	131.863	99,21
3	Tiền lương bình quân	1.000đ/n/th	2.452	2.733	111,46
4	Thu nhập bình quân	1.000đ/n/th	2.646	2.724	102,95

**d. Tình hình lợi nhuận - dự kiến chia cổ tức:**

Kết quả kinh doanh không đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch trong điều kiện vốn huy động cao hơn mức vốn huy động kế hoạch, về quyền lợi với cổ đông kế hoạch xác định chi cổ tức bằng tiền mặt là 10%, Căn cứ tình hình tài chính Công ty, HĐQT đề xuất với Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn chi trả cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt là 5%, chi trả bằng cổ phiếu thưởng là 3% vốn điều lệ, nguồn từ quỹ đầu tư phát triển.

**II. Tình hình tài chính:**

Năm tài chính 2009 của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2009 và kết thúc vào ngày 31/12/2009. Theo báo cáo của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C), Ban Kiểm soát ghi nhận Báo cáo tài chính năm do công ty cổ phần lập đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2008 và kết quả hoạt động SXKD cho kỳ báo cáo; phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán VN, Quy chế quản lý tài chính của Nhà nước.

Căn cứ thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, thống nhất việc ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá ảnh hưởng giảm vốn chủ sở hữu của Công ty đến 31/12/2009 là 9.943.603.214đ. Đây sẽ là khoản chi phí phải ghi nhận trong năm 2010 khi tỷ giá hối đoái giữ chiều hướng tăng liên tục.

*Đơn vị tính: Tr.đồng*

TÀI SẢN	1/1/2009	31/12/2009	So sánh		Tỷ trọng	
	VND	VND	Tuyệt đối	Tương đối (%)	1/1/2009	31/12/2009
A	1	2	3 = 2 -	4 = 2 / 1	5	6

			1			
A. Tài sản ngắn hạn	436.765	593.085	156.320	35,79	36,64	37,31
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	61.786	132.895	71.109	115,09	5,19	8,36
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	22.797	3.804	(18.993)	(83,31)	1,91	0,24
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	147.455	195.229	47.774	32,40	12,37	12,28
T.đó: Phải thu của khách hàng	64.435	124.139	59.704	92,66	5,41	7,81
IV. Hàng tồn kho	153.942	231.341	77.399	50,28	12,91	14,55
V. Tài sản ngắn hạn khác	50.785	29.816	(20.969)	(41,29)	4,26	1,88
B. Tài sản dài hạn	755.291	996.574	241.283	31,95	63,36	62,69
I. Các khoản phải thu dài hạn						
II. Tài sản cố định	622.875	836.163	213.288	34,24	52,25	52,60
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	128.742	157.635	28.893	22,44	10,80	9,92
V. Tài sản dài hạn khác	3.674	2.776	(898)	(24,44)	0,31	0,17
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.192.056</b>	<b>1.589.659</b>	<b>397.603</b>	<b>33,35</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
A. Nợ phải trả	844.206	1.055.919	211.713	25,08	70,82	66,42
I. Nợ ngắn hạn	542.707	623.892	81.185	14,96	45,53	39,24
II. Nợ dài hạn	301.499	432.027	130.528	43,29	25,29	27,18
B. Vốn chủ sở hữu	347.851	533.740	185.889	53,44	29,18	33,58
I. Vốn chủ sở hữu	337.754	531.628	193.874	57,40	28,33	33,45
T đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	241.839	434.382	192.543	79,62	20,29	27,33
- Thặng dư vốn cổ phần	59.945	45.033	(14.912)	(24,88)	5,03	2,83
- Cổ phiếu quỹ	(5.940)	(5.940)			(0,50)	(0,37)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(9.943)	(9.943)			(0,63)
- Quỹ đầu tư phát triển	20.759	6.778	(13.981)	(67,35)	1,74	0,43
- Quỹ dự phòng tài chính	18.753	20.536	1.783	9,51	1,57	1,29
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.398	40.782	38.384	1.600,67	0,20	2,57
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	10.097	2.112	(7.985)	(79,08)	0,85	0,13
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.192.056</b>	<b>1.589.659</b>	<b>397.603</b>	<b>33,35</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

**\* Nhận xét tình hình tài chính:**

1. **Quản lý tài sản là tiền:** Vào thời điểm cuối năm 2008 Ý kiến Ban Kiểm soát về số dư tiền gửi của Công ty gần 62 tỷ đồng là tương đối cao, trong điều kiện số dư khoản vay và nợ ngắn hạn là 388 tỷ. (Trong đó có khoản nhận nợ vay ngày 30/12/2008 của Ngân hàng Vietcombank và chuyển gửi lại tại ngân hàng này 15 tỷ đồng theo báo cáo của Công ty với mục đích sử dụng chi trả cho người lao động trong tháng 01/2009).

Là đơn vị thường xuyên sử dụng tiền vay để giải quyết các khoản phải thanh toán, Công ty cần theo dõi chặt chẽ tiền thu được từ quan hệ bán hàng để giải quyết trả nợ và có thể thanh toán nợ trước hạn để giảm chi phí lãi vay. Với mức dư tiền theo báo cáo nếu xảy ra thường xuyên sẽ ảnh hưởng thiệt hại nhiều cho doanh nghiệp.

Đến 31/12/2009 số dư tiền gửi của Công ty lên đến gần 133 tỷ đồng, tăng hơn so thời điểm cùng kỳ năm trước là 71 tỷ đồng, trong đó riêng khoản tiền do Công ty E-Land Asia Holdings chuyển để mua 6.000.000 cổ phiếu phát hành năm 2009 từ tháng 10/2009 hoàn toàn

chưa sử dụng (Trong đó số dư tiền vay ngắn hạn, dài hạn lên đến 887 tỷ đồng tăng 250 tỷ đồng).

## 2. Tình hình quản lý công nợ:

Công nợ phải thu với người mua đến 31/12/2009 là 124.139 tr.đồng tăng so đầu năm 59.704tr.đồng. (Trong đó đối với khách hàng nước ngoài tăng 79.678tr.đồng). Qua kiểm tra nợ phải thu tăng cao do Công ty thay đổi phương thức thu tiền, chủ yếu đã giải quyết bán hàng áo xuất khẩu cho trả chậm từ 30 đến 60 ngày

Đến thời điểm 31/12/2009 công nợ đối với khách hàng mua áo xuất khẩu như sau:

STT	Tên khách hàng	Tổng nợ (USD)	Quy đổi VNĐ	Nợ quá hạn (USD)	Quy đổi VNĐ
1	Active Knitwear recourse,inc	1.150.116,19	20.634.234.565		
2	Andre HK buying office ltd	73.223,38	1.313.700.661	41.282,18	740.643.591
3	Asmara internationnal limited	34.428,46	617.681.001		
4	Dimensions clothing ltd	44.241,59	793.738.366		
5	Eddie bauer	91.858,34	1.648.030.478		
6	Kowa company,ltd	49.935,42	895.891.370		
7	Lordman co.,ltd	29,00	520.289		
8	Marubeni europe plc	38.461,54	690.038.489		
9	Melcosa	227.883,35	4.088.455.182	227.883,35	4.088.455.182
10	Pearl global	34.241,93	614.334.466	5.308,13	95.233.160
11	Ready made industries	52.158,00	935.766.678		
12	Resources	460.363,30	8.259.377.965		
13	Sanmar corporation	1.060.328,95	19.023.361.692		
14	Texment Fashion ltd	1.607.060,28	28.832.268.483	1.046.740,64	18.779.573.822
15	Toms co.,ltd	322.937,50	5.793.821.688		
16	Tonix corporation	149.774,49	2.687.104.125		
17	Toyoshima and co.,ltd	16.153,57	289.811.199		
	<b>Cộng</b>	<b>5.413.195,29</b>	<b>97.118.136.697</b>	<b>1.321.214,30</b>	<b>23.703.905.755</b>

Khách hàng Texment Fashion ltd được trả chậm 30 ngày đến thời điểm 10/12/2009 chưa trả nợ đã nhận hàng ngày 2/10/2009 nhưng Công ty vẫn tiếp tục giao hàng, nợ phát sinh do giao thêm hàng khi có nợ quá hạn trong tháng 12/2009 là 560.319,64USD

Ngoài ra còn có các khoản nợ do bán hàng từ năm 2007, 2008 đến nay báo cáo chưa thu tiền, đề nghị Công ty kiểm tra xem xét và báo cáo khả năng thu hoặc các biện pháp đang triển khai để thu hồi nợ:

STT	Tên đơn vị	Nợ phải thu	Ghi chú
1	Công ty dệt kim Đông Phương	1.386.383.053	Nhận hàng năm 2008
2	Công ty TNHH dệt may Lan Trần	328.182.453	Nhận hàng năm 2008
3	Công ty TNHH An Đại Phú	871.717.467	Nhận hàng năm 2007, 2008
4	Công ty TNHH Minh Anh	310.000.000	Nhận hàng năm 2007
5	SP.TEX.USD	1.728.144.040	nhận hàng tháng 3/2007 tương đương 96.323,73USD
	<b>Cộng</b>	<b>4.624.427.013</b>	

### 3. Đầu tư tài chính ngắn hạn:

Với số vốn đã đầu tư đến 31/12/2009 là 6.120,1 triệu đồng, trong đó riêng đầu tư 32.500CP của Công ty CP dệt may Thắng Lợi so giá trị mua và giá trị khớp lệnh ngày 31/12/2009 chênh lệch giảm cần phải lập dự phòng là 1.316tr.đồng.

Khoản cho vay đối với Cty TNHH Thuý La 2 tỷ đồng từ năm 2007 đến nay chưa thu hồi được nợ gốc và lãi vay (280 tr.đồng), đến thời điểm 31/12/2009 Công ty trích lập dự phòng 1 tỷ đồng

### 4. Đầu tư tài chính dài hạn:

Với tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12/2009 là 159.132 triệu đồng, căn cứ giá trị khớp lệnh ngày 31/12/2009 chênh lệch so giá trị mua của CP Vietcombank và Cty CP dệt may Huế đã lập dự phòng 1.497tr.đồng.

### 5. Tình hình vốn điều lệ và cổ đông:

STT	Nội dung	1/1/2009	31/12/2009
1	Vốn điều lệ	241.839.200.000	434.382.430.000
1.1	Vốn góp của Tập đoàn DMVN	64.000.000.000	50.858.000.000 (11,71%)
1.2	Vốn góp của các đối tượng khác	177.839.200.000	383.524.430.000
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.183.920	43.438.243.000
2.1	Cổ phiếu phổ thông	24.183.920	43.438.243.000
2.2	Cổ phiếu ưu đãi		
3	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
4	Số lượng cổ đông	3.454 (tính đến 16/3/2009)	6.524 (tính đến 24/02/2010)

### 6. Phân tích các rủi ro tiềm ẩn trong Báo cáo tài chính Cty:

Đối với các khoản phải thu do phát sinh trong quá trình mua bán năm 2009 với phương thức thanh toán cho trả chậm và các khoản phải thu liên quan đến các hoạt động khác phát sinh từ các năm 2007, 2008 cho đến thời điểm kiểm tra chưa thu được tiền nhưng chưa lập dự phòng có thể ảnh hưởng đến kết quả của Công ty.

Công ty chưa tính và trích lập dự phòng hàng tồn kho trong điều kiện hàng tồn kho đến cuối năm là 231 tỷ đồng, so đầu năm tăng 77 tỷ đồng.

## III. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

### 1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lượng các cuộc họp : **08**
- Số lượng các Nghị quyết : **14**
- Nội dung các nghị quyết: **14**

Cụ thể như sau:

<b>BIÊN BẢN</b>	<b>NGHỊ QUYẾT</b>	<b>NGÀY</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
01/2009/BB-HĐQT	01/2009/NQ-HĐQT	20/3/2009	Phát hành riêng lẻ cp TCM cho Eland	
	02/2009/NQ-HĐQT	20/3/2009	Thông qua chương trình, tài liệu chuẩn bị ĐHCĐ 2009	
	03/2009/NQ-HĐQT	20/3/2009	Đồng ý sửa đổi Điều lệ theo nội dung Eland yêu cầu	
	04/2009/NQ-HĐQT	20/3/2009	Thông qua đề nghị ĐHCĐ gia hạn việc phát hành riêng lẻ đến 30/4/2010	
	04A/2009/NQ-HĐQT	21/3/2009	Về mức thu nhập trước thuế của TGD Cty	Áp dụng từ 01/4/09
02/2009/BB-HĐQT		21/4/2009	Thông qua cách thức đề cử ứng viên HĐQT tại ĐHCĐ thường niên 2009	
	05/2009/NQ-HĐQT	25/4/2009	Bổ nhiệm TGD Lee Eun Hong	Nghị quyết văn bản
	06/2009/NQ-HĐQT	25/4/2010	Bầu Phó CT HĐQT	Nghị quyết văn bản
03/2009/BB-HĐQT		29/4/2009	V/v cơ cấu tổ chức mới do Mr Lee đề xuất	
03/2009/BB-HĐQT	07/2009/NQ-HĐQT	28/5/2009	Thời điểm phát hành riêng lẻ cho E-land	
	08/2009/NQ-HĐQT	28/5/2009	Uq CT HĐQT qđịnh PA làm tròn số lẻ cho 12%cp thưởng	
	09/2009/NQ-HĐQT	28/5/2009	Chấp thuận sơ đồ tổ chức do TGD đề xuất Chọn A&C làm cty kiểm toán trong năm 2009	

04/2009/BB-HĐQT	10/2009/NQ-HĐQT	17/6/2009	V/v bổ nhiệm nhân sự và mức lương các vị trí quản lý	
05/2009/BB-HĐQT	11/2009/NQ-HĐQT	22/6/2009	Về mức lương của CEO & COO	
06/2009/BB-HĐQT	12/2009/NQ-HĐQT	12/8/2009	Thông qua kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2009, kế hoạch 6 tháng cuối 2009.	
07/2009/BB-HĐQT	13/2009/NQ-HĐQT	22/10/2009	Thông qua kết quả hoạt động quý 3/2009, dự kiến quý 4/2009, kế hoạch 2010.	

- Sự am hiểu kinh doanh, tầm nhìn chiến lược của HĐQT: Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong ngành dệt may, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy Hội đồng quản trị có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo công ty, cụ thể trong năm 2008 với bối cảnh nền kinh tế suy thoái toàn cầu và hệ quả còn tiềm ẩn qua năm 2009 nhưng công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả và lợi nhuận đạt hơn 40 tỷ đồng.

## 2. Về công tác quản lý, điều hành của Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc có đầy đủ kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty, tuy nhiên có các tác động khách quan như: về thay đổi chính sách tầm kinh tế vĩ mô làm ảnh hưởng không thuận lợi cho việc quản lý, điều hành của Tổng giám đốc.

## IV. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

### 1. Năng lực và hiệu quả làm việc của Ban Kiểm soát :

Ban kiểm soát có 3 người đều tốt nghiệp đại học, có kinh nghiệm vì đã trải qua quá trình làm việc hơn vài chục năm tại các doanh nghiệp nên có đủ năng lực và làm việc hiệu quả vì có phân công hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình kiểm tra giám sát tại công ty.

### 2. Những thuận lợi và khó khăn khi làm việc của Ban Kiểm soát :

- Về thuận lợi : Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện khi Ban Kiểm soát có lịch kiểm tra với các phòng ban công ty. Trên cơ sở đó các, đơn vị phòng ban cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu.
- Về khó khăn: nổi bật là vấn đề Ban Kiểm soát cần làm việc với phòng kế toán và công ty kiểm toán trong quá trình tiến hành kiểm toán tại công ty, với mục đích cần tham gia phân tích số liệu, và xác định thời gian có báo cáo kiểm toán để có cơ sở Ban Kiểm soát lập báo cáo phục vụ Đại hội cổ đông thường niên.

### 3. Kế hoạch hoạt động năm 2010 của Ban Kiểm soát:

Vẫn thực hiện các hoạt động như các năm vừa qua, nhưng từ năm 2010 do tình hình quản lý công nợ có các khoản nợ còn kéo dài chưa được xử lý, nên Ban Kiểm soát đặt trọng



tâm mỗi quý sẽ tổ chức kiểm tra tình hình công nợ, nhằm phối hợp với phòng kế toán có hướng đề xuất xử lý với Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị.

**V. Những khuyến nghị của Ban kiểm soát**

Ban điều hành công ty cần xem xét lại việc quản lý công nợ, như trong phần trên của báo cáo Ban Kiểm soát cho thấy có đột biến tăng và kéo dài thời gian nợ .

**Thay mặt Ban kiểm soát  
Trưởng ban**

**NGUYỄN TỰ LỰC**